

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 9 năm 2022, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 617/2022/TLST-DS ngày 20/7/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Anh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp A, Tổ 15, xã B, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1986; Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022; Địa chỉ: E1 A, khu phố 5, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: 55 Đường 168, Phường Phước Long A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Xuân D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp A, Tổ 15, xã B, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hủy hợp đồng dịch vụ theo giấy Biên nhận ngày 15/3/2019;
- Bà Nguyễn Thị T trả lại bản chính Giấy chứng nhận số CN 255245 vào sổ cấp GCN CS05021 do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Trần Anh T vào ngày 12/4/2019, trong thời hạn 30 ngày;
- Bà Nguyễn Thị T trả lại cho ông Trần Anh T 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, cụ thể: trả số tiền 150.000.000 đồng được thực hiện hạn chót vào ngày 30/10/2022, số tiền còn lại 100.000.000 đồng hạn chót trả vào ngày 15/12/2022.

Nếu bà Nguyễn Thị T vi phạm một trong các thỏa thuận nêu trên thì ông Trần Anh T có quyền yêu cầu cưỡng chế Thi hành án toàn bộ nội dung thỏa thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 6.250.000 đồng. Hoàn lại cho ông Trần Anh T tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.850.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028006 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đinh Khắc Hưng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).